TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỜ ĐỎ** **TP. CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 293/2018/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2018
V/v ly hôn giữa anh T và chị N

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỜ ĐỎ, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Viễn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Hữu Thọ
2. Ông Lương Hùng Dũng

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Giai Thoại - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ***: Bà Trần Thị Thanh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 218/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 175/2018/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm 1986. Địa chỉ: Xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ

2. Bị đơn: Chị Bùi Thị Bé N, sinh năm 1970. Địa chỉ: Xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1 Chị Cao Thị Ngọc M, sinh năm 1978. Địa chỉ: Xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ "vắng mặt".

3.2 Ông Dương Đức L, sinh năm 1969. Địa chỉ: Phường L, quận M, thành phố Cần Thơ "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 22-3-2018, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Thanh T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, anh và chị N tự tìm hiểu và xác lập hôn nhân vào năm 2016; có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 33/2017 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, thành phố Cần Thơ

cấp ngày 03-04-2017. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh và chị N bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cải vã nhau. Tháng 3/2018 vợ chồng ly thân cho đến nay. Xét thấy, vợ chồng không còn tình cảm và không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên anh T xin ly hôn. Về con chung: Vợ chồng không có con chung. Về chia tài sản: Anh T xác định vợ chồng không có tài sản chung. Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn chị Bùi Thị Bé N trình bày: Chị và anh T do quen biết, sau thời gian tìm hiểu đến năm 2016 xác lập hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại UBND xã H năm 2017. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng không được bao lâu thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T không lo làm ăn, tụ tập chơi bời và có quan hệ bất chính với người khác. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bất hòa, anh T đuổi chị khỏi nhà, vợ chồng sống ly thân từ tháng 3/2018 đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng không có con chung. Về tài sản chung: Không có. Về nghĩa vụ trả nợ: Chị có nợ ông Dương Đức L số tiền 35.000.000đồng và nợ chị Cao Thị Ngọc M 38.000.000đồng, số nợ này chị xác định chị mượn để lo cho cuộc sống chung của gia đình, khi ly hôn chị yêu cầu anh T cùng trả nợ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Dương Đức L trình bày: Vào năm 2017 ông có cho chị N mượn vay 35.000.000đồng. Tuy nhiên, ông không yêu cầu giải quyết việc đòi nợ trong vụ kiện này. Sau này giữa ông và chị N có tranh chấp ông sẽ khởi kiện trong vụ kiện khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Cao Thị Ngọc M trình bày: Chị M xác định vào năm 2017 chị có cho chị N vay số tiền 38.000.000đồng. Tuy nhiên, chị không yêu cầu giải quyết đòi nợ trong vụ kiện này. Sau này giữa chị và chị N có tranh chấp thì chị sẽ khởi kiện trong vụ kiện khác.

Tại phiên tòa:

Về quan hệ hôn nhân: Anh T và chị N thuận tình ly hôn.

Chị N rút yêu cầu xem xét nghĩa vụ liên đới trả nợ đối với anh T về số nợ của ông L và chị M.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Vế tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Quan hệ hôn nhân, đề nghị công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T và chị N; Đình chỉ xem xét yêu cầu của chị N về trách nhiệm liên đới của anh T đối với số nợ của ông L và chị M do chị N rút yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Dương Đức L và chị Cao Thị Ngọc M là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất vắng mặt nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân của anh T và chị N là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cải vã bất hòa. Anh chị đã sống ly thân. Cả hai xác định tình cảm không còn, không thể tiếp tục chung sống cùng nhau nên thuận tình ly hôn. Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh T với chị N.

[3] Về con chung: Không có.

[4] Về chia tài sản: Không có

[5] Về nghĩa vụ trả nợ: Chị N rút yêu cầu xem xét trách nhiệm liên đới của anh T đối với số nợ của ông L và chị M. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này.

[6] Về án phí sơ thẩm: Anh T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 217; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 55 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 17 Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh T và chị Bùi Thị Bé N.

2. Về con chung: Không có.

3. Về chia tài sản: Không có.

4. Nghĩa vụ trả nợ: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của chị N về việc xem xét trách nhiệm liên đới của anh T đối với số nợ của ông L và chị M.

5. Về án phí sơ thẩm: Anh Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đồng anh T đã nộp theo biên lai thu số 000877 ngày 15-5-2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cờ Đỏ, thành phố Cần Thơ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thị hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, tuyên án có mặt nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân địa phương nơi cư trú hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG X ÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Minh Viễn